

THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP

GS.TSKH. DẶNG ỨNG VẬN - NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG
Trường Đại học Hòa Bình

1. Đặt vấn đề

Với tư duy đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển. Trong lĩnh vực giáo dục đại học (GDĐH), một trong những ý tưởng đổi mới là việc chấp nhận sự tồn tại của các cơ sở GDĐH ngoài công lập (NCL). Theo tinh thần đó, cuối năm 1988, Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long ra đời. Sau 5 năm thí điểm hoạt động của Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long, năm 1994 hàng loạt trường đại học ngoài công lập (NCL) khác ra đời. Tính đến ngày 21/05/2012, cả nước đã có 56/204 trường đại học NCL và 28/215 trường cao đẳng NCL.

Số liệu thống kê năm học 2010 - 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy khu vực NCL đảm nhận giáo dục và đào tạo cho 1/2 số trẻ mẫu giáo, 1/3 số trẻ mầm non, 1/20 học sinh tiểu học, 1/200 học sinh trung học cơ sở, 1/10 học sinh trung học phổ thông, gần 1/3 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 1/5 sinh viên cao đẳng và 1/7 sinh viên đại học. Nếu tính rằng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục - đào tạo là 104.775 tỷ được đầu tư cho trường công lập ở các cấp bậc học (khoảng 20% ngân sách nhà nước) thì xã hội hóa đã góp thêm vào đầu tư cho giáo dục đào tạo ít nhất là 2% ngân sách, tương đương với khoảng 10.000 tỷ đồng. Một con số không nhỏ khi so sánh với đóng góp ngân sách của các ngành kinh tế khác [1].

Tại Hội thảo "Đổi mới và phát triển hệ thống các trường NCL ở Việt Nam"[1] đã có những trình bày về những cơ hội, thách thức và đổi mới hệ thống các trường NCL của Việt Nam. Từ đó đến nay, chính sách nhà nước đối với các trường NCL đã có những thay đổi quan trọng, đặc biệt là sự ra đời của Luật GDĐH [2]. Bài viết này phân tích các thách thức dựa trên những thay đổi về chính sách cũng như thực tiễn phát triển và đề xuất một số giải pháp phát triển cần thiết cho các trường đại học NCL của nước ta.

2. Những thách thức đối với các trường ngoài công lập

Thứ nhất là mâu thuẫn cơ bản của các trường NCL hiện nay chưa được giải quyết, đó là mâu

thuẫn giữa quan điểm, đặc tính của giáo dục và của thị trường. Luật GDĐH mới được ban hành [2] đã tháo gỡ được một số vướng mắc nhưng vẫn còn những vướng mắc có tính bản chất chưa được giải quyết đồng thời cũng tạo nên những mâu thuẫn mới.

Khái niệm phi lợi nhuận đã được định nghĩa khá rõ ràng: *Cơ sở GDĐH tư thục và cơ sở GDĐH có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận* là cơ sở GDĐH mà phần lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở GDĐH; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hằng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu chính phủ [2]. Dù muốn hay không thì các trường tư (kể cả các trường phi lợi nhuận) cũng phải có lợi nhuận để phát triển, phải chấp nhận rủi ro trong hoạt động kinh doanh, có thể bị phá sản, giải thể, cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phiếu - tức là ông chủ luôn bị thay đổi, phương hướng hoạt động của trường được quyết định bởi những người có tiền trong đại hội cổ đông (cơ quan quyền lực cao nhất của trường tư) và nắm đa số trong thành phần hội đồng quản trị... là những yếu tố dẫn tới tình không ổn định của trường tư. Điều này còn tạo ra những mâu thuẫn tiềm ẩn sẵn sàng bộc phát trong các trường khi có cơ hội. Đó là vai trò và quyền lợi của nhà đầu tư và hội đồng sáng lập, giữa nhà đầu tư và người lao động; giữa nhà đầu tư mà đại diện là hội đồng quản trị và hiệu trưởng về phương thức điều hành nhà trường, về xây dựng đội ngũ và về nhiều vấn đề khác. Một nội dung quan trọng khác chưa được Luật GDĐH giải quyết thỏa đáng đó là đầu tư phát triển hệ thống các trường tư. Nhà nước muốn phát triển giáo dục NCL thì nhất định phải đầu tư, không thể phó mặc cho xã hội. Trước hết là việc cần sớm thực hiện việc giao đất sạch cho trường hoặc Nhà nước xây trường và các trường đại học thuê cơ sở vật chất với giá ưu đãi. Điều này đã được khẳng định trong Điều 6 Khoản 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Chính phủ nhưng chưa thấy thực hiện [3]. Cân đối tài chính cho thấy nếu Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất thì các trường NCL có thể giảm học phí tới mức của

các trường công lập do những ưu thế trong quản lí tư nhân so với quản lí công. Mặt khác, nếu không khuyến khích đầu tư cho GDĐH (không chỉ theo cơ chế phi lợi nhuận mà cả cơ chế lợi nhuận nữa) thì hệ quả là chúng ta không đạt được các tiêu chí về xã hội hóa giáo dục và phát triển hệ thống NCL và chính sinh viên phải chịu thiệt. Các nhà đầu tư Việt Nam đa phần là nhỏ lẻ, hình thức quỹ hiến tặng (endowment) còn chưa phổ biến ngay cả ở khu vực Châu Á, đặc biệt là ở những nước đang phát triển nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

Lợi nhuận hiện nay các nhà đầu tư mở trường trông chờ không phải là từ học phí mà từ đất đai. Nếu thị trường bất động sản đóng băng thì sẽ không có vốn rót cho đại học tư¹. Sau này, khi đất đai không còn là động lực mở trường nữa thì các nhà đầu tư phải lựa chọn. Có thể họ phải thu hẹp cơ cấu đầu tư, hoặc lựa chọn đầu tư theo quy mô nhỏ, thu hồi vốn nhanh, trong khi đầu tư cho giáo dục lại là đầu tư lâu dài, rất chậm thu hồi vốn. Đầu tư nửa vời còn làm cho người vận hành mất tính chủ động, phải chia sẻ lòng đam mê cống hiến, phát triển sự nghiệp giáo dục có chất lượng với sự sống còn của nhà trường. Trông chờ vào nguồn học phí trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay thì việc đảm bảo chi thường xuyên đã là không dễ, chưa thể tính đến lợi nhuận.

Thứ hai là xã hội yêu cầu cao nhưng không đủ nguồn lực và điều kiện để thực hiện. Nếu thực hiện theo Khoản 5 Điều 2 quy định trường đại học tư được thành lập khi có tổng diện tích đất xây dựng trường không ít hơn 5hecta; thực hiện mức bình quân tối thiểu diện tích 25m²/sinh viên tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất và Khoản 2 Điều 5 quy định trường được phép mở ngành và tuyển sinh khi diện tích nhà đã xây dựng đưa vào sử dụng đạt bình quân tối thiểu 9m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập 6m²/1 sinh viên, diện tích nhà ở và sinh hoạt đạt tối thiểu 3m²/sinh viên, diện tích làm việc cho giảng viên tối thiểu 8m²/ người, theo QĐ 07/2009 [4] thì phí đầu tư tối thiểu phải chi trả là 1.000.000/sinh viên/tháng chưa kể các đầu tư chiều sâu. Cùng với việc trả lương giảng viên và cán bộ quản lí, học phí tối thiểu phải là 20 triệu đồng/năm để còn đảm bảo cho các mục chi thường xuyên khác. Trong khi đó, mục tiêu của xã hội hoá không phải là hướng vào con nhà giàu (con cái họ được gửi đi học nước ngoài) mà là hướng tới những gia đình nghèo không có điều kiện cho đi học nước ngoài, cũng như hướng

¹ Thị trường bất động sản đóng băng đồng nghĩa với vốn không được quay vòng, là vốn đi vay chết trong đất. Như thế sẽ không có tiền đầu tư và tái đầu tư,

tới nhu cầu học tập của số đông với tín dụng sinh viên 1.000.000đ/tháng.

Mặt khác, suy thoái kinh tế và lạm phát làm cho đời sống giảm sút, việc làm hạn chế, năng lực chu cấp cho việc học của con em càng bị hạn chế và năng lực của các nhà đầu tư giảm sút nghiêm trọng.

Thứ ba là sự mở rộng quá nhanh hệ thống các trường đại học, trong đó có các trường tư thực khiến cho các trường lâm vào thế cạnh tranh gay gắt trong khi chỉ tiêu đầu vào bị hạn chế thông qua việc xác định điểm sàn của kỳ thi ba chung mà thực chất không phải là thước đo chính xác về chất lượng đầu vào do chịu sự tác động rất lớn của độ khó của đề thi. Các trường nước ngoài đã khống chế thị trường con nhà giàu, các trường công khống chế thị trường các học sinh khá giỏi. Vì vậy, các trường tư chỉ còn khu vực thị trường học sinh trung bình yếu và gia đình trung lưu và nghèo có thu nhập tăng giảm theo đà phát triển hoặc suy thoái kinh tế của đất nước. Nếu nguồn tuyển bị hạn chế, các trường công với nhiều loại hình đào tạo khác nhau đã "vét" tới điểm sàn thì điều tất yếu là các trường tư không còn nguồn tuyển nữa.

Thứ tư là còn thiếu các giải pháp chống lại tác động tiêu cực của thị trường đến GDĐH. Tuy rằng "Thị trường là nơi mà bạn tự do chọn lựa cái tốt nhất và cũng là nơi bạn phải đưa ra cái tốt nhất để không bị loại bỏ. Và điều đó là quan trọng như nhau đối với giáo dục cũng như với bất kì khu vực dịch vụ công nào khác" (Kuzminov)[5] nhưng theo quan niệm giáo dục không tồn tại "trao đổi giáo dục", hoạt động giữa những người dạy học và người học không phải là hoạt động giáo dục được triển khai theo nguyên tắc trao đổi tương đương của thị trường. Sự xung đột về nguyên tắc đó khiến cho giáo dục đã và đang bị mặt trái của thị trường công kích dữ dội. Mặt trái của thị trường và các biểu hiện tham nhũng là những yếu tố mang tính nguy cơ đối với việc hoàn thiện thể chế cũng như đổi mới căn bản, toàn diện GDĐH Việt Nam. Tiêu cực của thị trường tác động đến giáo dục một cách ghê gớm, không phải là ở lợi nhuận của mấy nhà đầu tư nhỏ lẻ bỏ vốn mở trường mà nó đang làm xói mòn đạo đức nhà giáo, vi phạm nguyên tắc cao cả của giáo dục. Nó không phải tấn công chỉ vào các trường tư mà ở cả các trường công, thậm chí còn mạnh mẽ hơn.

Thứ năm là những thách thức chung của các trường đại học (công, tư) của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang hệ tín chỉ. Tính chất áp đặt của niên chế vẫn còn nặng nề do các trường không đủ điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ. Vì thế, sinh

viên vẫn bị hạn chế về năng lực sáng tạo cũng như niềm đam mê trong học tập. Các yếu tố thị trường tác động đến cuộc sống hàng ngày nên giảng viên đã phải dành quá nhiều thời gian cho công việc giảng dạy trong và ngoài trường để tăng thu nhập, không có điều kiện cả về kinh phí và thời gian để tập trung nghiên cứu khoa học, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo.

3. Những giải pháp cần thiết đối với các trường đại học ngoài công lập

Trong bối cảnh hiện nay, nhiều giải pháp đổi mới, nhiều thử nghiệm đã được thực hiện, từ mô hình, cơ cấu hệ thống đến nội dung, chương trình, sách giáo khoa... Tuy nhiên, có một thực tế là những đổi mới này chưa tạo ra được nhiều chuyển biến tích cực khiến xã hội có thể yên tâm. Có lẽ, vì chúng ta vẫn sử dụng tư duy cũ để hoạch định đổi mới, phải chăng cần đổi mới ngay cả tư duy của xã hội.

3.1. Phân hệ tư nhân cần được xem là một trong hai cánh của hệ thống giáo dục quốc dân, có tầm quan trọng như phân hệ công lập, đặc biệt là ở trình độ đại học

Cần xây dựng một triết lí mới cho hệ thống đại học tư dựa trên nền tảng lí luận triết học về tính phi lợi nhuận và lợi nhuận trong hoạt động giáo dục, xác lập trở lại hệ thống các trường dân lập để phát triển các nhà trường phi lợi nhuận, để Nhà nước có thể tập trung đầu tư cho các trường trọng điểm tới ngưỡng. Đồng thời, điều này cũng tạo cho các trường tư một điểm tựa về mặt tinh thần và chính sách quốc gia để giải quyết bài toán phát triển bao gồm cả đầu vào, đầu ra và sự hỗ trợ của Nhà nước. Muốn vậy, điều quan trọng trước tiên là cần làm rõ những luận điểm cơ bản làm nền tảng cho sự phát triển các trường NCL.

Thứ nhất là chấp nhận sự phát triển của giáo dục sẽ thực hiện quản lí vận dụng hiệu quả các quy luật và yếu tố thị trường. Điều quan trọng là tại thời điểm này không nên lăm lăm về quan niệm và thái độ đối với thị trường xuất khẩu giáo dục và sự nghiệp giáo dục quốc dân. Ngay cả trên thế giới, khi nói đến thị trường giáo dục (nội địa), người ta vẫn luôn nhấn mạnh đến tính chất đặc biệt của nó, một thị trường không hoàn hảo, cạnh tranh không hoàn hảo, chỉ "giống như là thị trường" (quasi-market) thậm chí, có học giả đã nói đến sự thất bại của thị trường trong giáo dục [5].

Thứ hai là chấp nhận việc xác định rõ cơ chế tài chính cho các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận. Việc làm rõ cơ chế tài chính của các cơ sở này là rất cần thiết, bởi vì nếu không, các nhà đầu tư sẽ giảm tối đa lợi

nhuận và hợp thức hóa việc chia lợi tức cho các cổ đông thông qua các khoản thanh toán quá mức. Về vấn đề này, có thể tham khảo nước Mĩ trong việc xây dựng cơ chế tài chính cho các cơ sở phi lợi nhuận.

Thứ ba là chấp nhận sự phân tầng về nhiệm vụ đào tạo dựa trên một hệ thống được đa dạng hóa để thích ứng với một nền giáo dục cho số đông và tạo điều kiện cho các trường NCL có cơ hội phát triển. Sự phân tầng trong hệ thống giáo dục sau trung học của nước ta như là một nét nhấn trong hệ thống các luận điểm phát triển, như là giải pháp cho mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu thì cao mà nguồn lực không đảm bảo, được nhiều nhà giáo dục nhắc đến và được xem như là một giải pháp chiến lược phát triển hệ thống GDĐH Việt Nam hiện nay. Việc phân tầng không được hiểu theo nghĩa phân tầng chất lượng mà là phân tầng nhiệm vụ đào tạo... Chúng ta cần các kĩ sư có khả năng sáng tạo công nghệ nhưng cũng rất cần các kĩ sư áp dụng công nghệ, cải tiến công nghệ và thậm chí các kĩ sư vận hành công nghệ. Chúng ta cần những sinh viên tốt nghiệp đại học có thể học tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ để trở thành các nhà khoa học nhưng cũng rất cần những người lao động có trình độ đại học để vận hành những công việc ngày thường ở một công ty, một doanh nghiệp, có thể có những nghiên cứu nhỏ lẻ thiết thực phục vụ cho việc đổi mới, nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm v.v... Cần cơ cấu trong hệ thống GDĐH một tầng tinh hoa (bao gồm các đại học nghiên cứu) được phát triển theo cách riêng, triết lí riêng và phương thức riêng. Như thế, trong nền giáo dục cho số đông vẫn mang những yếu tố tinh hoa. Yếu tố này có tính dẫn dắt, thúc đẩy và kích lệ toàn hệ thống. Lựa chọn nhiệm vụ cho phù hợp với năng lực của từng trường trong quá trình phát triển là giải pháp tối ưu hiện nay. Về vấn đề này, cần có những giải pháp phù hợp để tránh lãng phí nhân lực chất lượng cao cũng như tạo cơ hội cho các cơ sở giáo dục tầng thấp có thể phát triển được.

3.2. Mô hình quản lí cần phải mềm dẻo, thích hợp với những đặc điểm của trường tư so với các trường công lập

Mô hình quản lí cần giúp cho việc ngăn chặn hoặc giải quyết các mâu thuẫn tiềm ẩn trong trường NCL bằng những định chế hợp lí.

- Cần khẳng định vai trò định hướng của các thành viên sáng lập trong suốt quá trình phát triển và tồn tại của nhà trường bởi vì những ý tưởng ban

đầu của họ bao giờ cũng hướng tới một mục tiêu phi lợi nhuận, hướng tới một nhà trường xuất sắc và một môi trường giáo dục hoàn hảo;

- Cần xây dựng một cơ chế tài chính riêng cho các trường NCL, bao gồm các cơ sở hoạt động theo cơ chế lợi nhuận và phi lợi nhuận, không tiếp tục buộc các trường NCL phải thực hiện cơ chế tài chính của các doanh nghiệp;

- Cần nâng cao tính ổn định của các trường tư so với các doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể phá sản nhưng trường tư thì không được phép. Nhà góp vốn cho doanh nghiệp có thể lướt ván thông qua thị trường chứng khoán hoặc việc tự do mua bán chuyển nhượng cổ phần nhưng trường tư thì không được vì họ là những người quyết định phương hướng chiến lược, không thể thay đổi liên tục. Muốn vậy, không nên dùng khái niệm cổ tức, cổ phần một cách phổ biến như hiện nay mà chỉ nên đóng khung trong một số trường của cá nhân mà thay bằng khái niệm phí đầu tư dùng để trả lãi cho vốn góp, vốn vay xây dựng trường. Như vậy, có thể hạn chế việc thu lợi nhuận tối đa;

- Miễn thuế cho các khoản tái đầu tư của nhà trường trong việc xây dựng cơ sở vật chất. Đánh thuế vào các trường tư tức là đánh thuế vào người học;

- Cho phép các trường tư được mở phân hiệu và tổ chức đào tạo ngoài trường để mở rộng thị trường và khả năng tuyển sinh trong phạm vi năng lực đào tạo của họ. Cho phép thực hiện tuyển sinh nhiều lần trong năm.

3.3. Tự hoàn thiện theo hướng một nhà trường xuất sắc, khẳng định thương hiệu và uy tín trong xã hội

Ngoài việc mong muốn xã hội thay đổi nhận thức, Nhà nước thay đổi cơ chế chính sách, đặc biệt là chính sách tuyển sinh để tạo nguồn cho các trường NCL như trên đã trình bày thì điều tối quan trọng là nhà trường phải tự mình vượt lên chính mình.

Thứ nhất là phải có cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập đầy đủ. Bản thân cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại đã là một yếu tố khuyến mại hàng đầu đối với các trường NCL. Nó tạo niềm tin cho phụ huynh, cho người học và cho xã hội;

Thứ hai là thực hiện tốt và đầy đủ quyền tự chủ và trách nhiệm của nhà trường trong đó có trách nhiệm giải trình. Giải trình trước Nhà nước, trước xã hội, trước các nhà đầu tư là trách nhiệm của các trường NCL. Nội dung giải trình không phải chỉ là giải trình việc tuân thủ các quy định, quy chế, mà là giải trình các yếu tố đảm bảo chất lượng và đầu ra. Trung thực, công khai và minh bạch là ba nguyên tắc cơ bản của

việc giải trình. Giải trình nội bộ cũng là một yếu tố quyết định sự tin cậy của nhà đầu tư và của người lao động với việc điều hành của lãnh đạo trường;

Thứ ba là phần đầu trở thành trung tâm văn hóa cộng đồng. Nhà trường, giảng viên và sinh viên phải trở thành hạt nhân tham gia các hoạt động văn hóa của xã hội để xã hội hiểu biết hơn về trường;

Thứ tư là xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học công nghệ của giảng viên, gửi giảng viên đi tham gia nghiên cứu ở các viện, trường lớn thông qua các hợp đồng thuê khoán chuyên môn do nhà trường đỡ đầu, từng bước tham gia vào các đề tài nghiên cứu các cấp;

Thứ năm là tạo thế độc đáo cho trường về ngành nghề đào tạo góp phần xây dựng thương hiệu và nguồn tuyển sinh ổn định;

Thứ sáu là đổi mới triết lý của người thầy trong giảng dạy theo hướng tạo sự hứng thú cho người học, không còn như giáo dục của thời trước, sinh viên và học sinh phải ngồi học một cách khuôn phép, dự những giờ lên lớp đầy đủ, lắng nghe, ghi chép và học thuộc các bài giảng của thầy. Nền giáo dục cho số đông, cho đa phần buộc phải đi học đòi hỏi người thầy phải lôi cuốn được số đông sinh viên trong lớp học tập một cách thích thú. Chức năng của người thầy không còn là truyền thụ kiến thức một chiều mà là người gợi mở tư duy, hướng dẫn về phương pháp và bình xét các phân tích phê phán của người học. Dạy học bây giờ rất khó, dạy ở một trường NCL còn khó hơn (Hoàng Xuân Sính, 2012 Tham luận tại Hội nghị Tham vấn Luật GDĐH). Điều quan trọng là dạy sao cho sinh viên thích học, thích đến lớp và yêu mến nhà trường. Thay đổi triết lý giảng dạy của cả một đội ngũ giáo viên là điều rất khó khăn và phải được sự hỗ trợ thích đáng của chương trình, công nghệ và phương pháp kiểm tra, đánh giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Ứng Vận, Lê Viết Khuyến, *Các trường ngoài công lập: Cơ hội, thách thức và đổi mới, Hội thảo "Đổi mới và phát triển hệ thống các trường ngoài công lập ở Việt Nam"*, Cơ quan chỉ đạo: Ban Tuyên giáo Trung ương, Trường Đại học Hòa Bình và Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông, Hà Nội ngày 29/02/2012.

2. Luật Giáo dục Đại học, số: 08/2012/QH13.

3. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong

lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, ngày 30/05/2008.

4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 07/2009/QĐ-TTg ngày 15/01/2009 ban hành điều kiện và thủ tục thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học.

5. Đặng Ứng Vận, *Phát triển giáo dục đại học trong nền kinh tế thị trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007.

SUMMARY

Apart from generic challenges faced by Vietnamese universities, the non-public universities also have the following challenges: the unresolved

tension between perceptions and property of education and that of the market; inadequate resources and conditions to satisfy the constantly high social demands; the rapid expansion of universities; a lack of solutions to combat negativities of the market. Based on this, the article has suggested three main solutions: 1/ renewing the society's thinking paradigm, seeing the privately-funded institutions as one of the two well-balanced strands of the national education system; 2/ the need for a flexible management model in place, in line with characteristics of a private institution; 3/ the need for private institutions to perfect themselves as an institution of excellence, affirming the brand and prestige in the larger society.

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC... (Tiếp theo trang 3)

doanh nghiệp, nhà máy, công ty địa phương liên kết về dạy các nghề này, phục vụ công tác dạy nghề, hướng nghiệp của trường.

- **Về cách triển khai:** Rõ ràng, việc tổ chức dạy học tự chọn là thách thức lớn với quản lí, đặc biệt là quản lí nhà trường, bồi dưỡng năng lực cán bộ quản lí là cần thiết. Cần tổ chức thí điểm dạy học tự chọn; Trong triển khai đại trà, có thể làm theo cách của một số nước theo hình thức "vết dầu loang": trong vài năm đầu cần cho phép các trường tự nguyện tham gia mô hình này trước. Những trường có đầy đủ các điều kiện về GV, về khả năng quản lí sẽ đăng kí tham gia dạy học tự chọn. Sau đó mô hình này sẽ mở rộng dần, và sau khoảng 5-6 năm sẽ phủ hết tất cả các trường THPT.

Linh hoạt trong vận dụng kế hoạch dạy học ở từng trường, nếu tính trung bình thì số giờ dành cho một môn học hoặc một hoạt động không nhiều, trường có thể "gộp" thời lượng dành cho môn/hoạt động đó 2 tuần một lần. Khi đó thời lượng đủ để tổ chức các hoạt động dạy học/giáo dục phù hợp.

- **Tổ chức đánh giá:** Về đánh giá tốt nghiệp THPT, có thể có những cách đánh giá sau:

+ Cách tích lũy các "tín chỉ": HS sẽ đảm bảo học và đạt yêu cầu một số lượng môn học nhất định và sẽ được cấp bằng tốt nghiệp.

+ Cách tổ chức thi tốt nghiệp để cấp bằng: Nếu tổ chức thi tốt nghiệp thì có thể tập trung thi 3 môn bắt buộc là Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ. Điểm tổng kết cuối năm của các môn khác được coi là điều kiện cần để cho thi tốt nghiệp.

Theo đó, cách tuyển sinh đại học phù hợp là lấy kết quả thi tốt nghiệp làm điều kiện, thi thêm các

môn học do từng trường đại học chủ động đề xuất, theo hướng đánh giá các năng lực chuyên biệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020*, Ban hành theo Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13 tháng 06 năm 2012.

2. *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình GDPT – Chuyên khảo*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Thị Minh Phương, *Định hướng và yêu cầu đổi mới chương trình GDPT*, Tạp chí Thông tin KHGD, 2006.

4. Đỗ Ngọc Thống, *Chuyển đổi tầm nhìn giáo dục cho phù hợp với đối tượng và môi trường học tập*, Tạp chí KHGD, số Chuyên đề Đánh giá chương trình và sách giáo khoa phổ thông, 10-2008.

SUMMARY

Touching upon the issue of differentiated teaching in upper secondary schools after 2015, the author has presented: 1/ challenges regarding enhanced quality of human resources and role of general education; 2/ the use of competency-based approaches in differentiated teaching; 3/ key strategies suggested for differentiated teaching in upper secondary schools, i.e., streaming; differentiated teaching in combination with selective teaching (including the fundamental stream); selective teaching on a selected number of subject matters and giving leeway for students to choose the subject matters in line with their aptitudes and vocational preferences; 4/ a model suggested for differentiated teaching in upper secondary schools after 2015.